

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.
2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Minh P, sinh năm 1984; Có mặt.
 2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1990; Vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Dương Minh P trình bày:

Anh và chị T cưới nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/8/2014. Vợ, chồng có 01 con chung tên Dương Nguyễn Minh T1, sinh ngày 23/8/2015. Cuộc sống vợ, chồng lúc đầu hạnh phúc. Đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, chung

sống không còn hạnh phúc nữa do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và tiền bạc. Vợ, chồng không còn sống chung từ cuối năm 2023 cho đến nay. Từ lúc không sống chung thì vợ, chồng không có gặp nhau để hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Về nuôi con chung: Hiện cháu Dương Nguyễn Minh T1 đang sống chung với anh P, anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Anh và chị T chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị T chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được Toà án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị T không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho anh Dương Minh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung Dương Nguyễn Minh T1, sinh ngày 23/8/2015 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chưa có yêu cầu nên chưa xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu giải quyết, còn chị T không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Minh P và chị Nguyễn Thị Ngọc T được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét, yêu cầu của anh P là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa anh P và chị T có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Anh P và chị T đã không còn sống chung, hiện tại vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập chị T để hòa giải và xét xử theo quy định nhưng chị T vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ.

Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh P và chị T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh P được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Nguyễn Minh T1, sinh ngày 23/8/2015 hiện đang sống ổn định với anh P và có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh P, chị T chưa có yêu cầu nuôi con nên chấp nhận giao cháu Minh T1 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng, chưa có yêu cầu nên chưa xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Dương Minh P. Cho anh Dương Minh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

2. Về việc nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Dương Minh P. Anh P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Dương Nguyễn Minh T1, sinh ngày 23/8/2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Minh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004741 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28-6-2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Bình